

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2019/HS-PT

Ngày: 20-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Thẩm phán: Bà Bùi Kim Rết

Ông Đinh Quang Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 78/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo Dương Văn C và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo và người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2019/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố P.

- Bị cáo:

1. **Dương Văn C**, sinh năm 1987 tại Bắc Giang. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: E929, khu phố 5A, phường L1, thành phố P, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Họ tên cha: Dương Văn K, sinh năm 1966; Họ tên mẹ: Dương Thị B, sinh năm 1966. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo có vợ là Thân Thị M, sinh năm 1990, có 01 con sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 23/3/2018 đến ngày 01/4/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

2. **Nguyễn Như L**, sinh năm 1992 tại Bắc Giang. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Tổ 1, khu phố 5A, phường L1, thành phố P, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: lớp 12/12. Họ tên cha: Nguyễn Như P, sinh năm 1963; Họ tên mẹ: Nguyễn

Thị D, sinh năm 1966. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai. Họ tên vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1995. Có 02 con sinh năm 2017 và tháng 05/2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 23/3/2018 đến ngày 01/4/2018. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

- *Người bị hại:* Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 15, khu phố 4, phường L1, thành phố P, tỉnh Đồng Nai. Đại diện là chị Tăng Thị L (vợ của anh Đ), sinh năm 1981. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn C làm nghề kinh doanh cạo vỏ mía và phân phối mía cho các quán bán nước trên địa bàn phường L1, thành phố P. Do mâu thuẫn trong việc cạnh tranh buôn bán với anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1981, ngụ tổ 15, khu phố 4, phường L1, thành phố P, nên C nảy sinh ý định trộm cắp linh kiện máy cạo vỏ mía của anh Đ, mục đích để anh Đ không cạo vỏ mía giao cho khách được. Để thực hiện ý định trên, khoảng 15 giờ ngày 22/3/2018, C rủ Nguyễn Như L (người làm thuê cạo vỏ mía cho C) đến xưởng cạo vỏ mía của anh Đ tại số 49, tổ 8, khu phố 2, phường L1 trộm cắp linh kiện máy cạo vỏ mía, L đồng ý. Khoảng 0 giờ ngày 23/3/2018, C điều khiển xe mô tô hiệu Vision biển số 60F1-64.999 chở L mang theo 01 kéo, 01 mỏ lết, 01 tuốc nơ vít, 04 bao tải đến trước cửa hàng của anh Đ. Quan sát thấy không có ai bên trong, L dùng tay nâng góc cửa bên phải lên, tạo khe hở rồi đột nhập vào bên trong, còn C chạy xe ra ngoài đầu hẻm đứng chờ. L sử dụng kéo, mỏ lết và tuốc nơ vít tháo trộm 01 hộp điều khiển, 03 mô tơ và 27 lưỡi dao của máy cạo vỏ mía rồi bỏ vào trong 04 bao tải đã chuẩn bị sẵn, sau đó, L vận chuyển tài sản trộm cắp ra ngoài cửa rồi đi bộ ra ngoài đầu hẻm gọi C quay lại chờ. C điều khiển xe mô tô quay lại chở L cùng số tài sản trộm cắp được đến phòng trọ của anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1995, tại tổ 22, khu phố 3, phường L2, thành phố P gửi. Khoảng 05 giờ cùng ngày, anh Đ phát hiện bị mất trộm tài sản nên đến Công an phường L1 trình báo sự việc, Công an phường L1 đã lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 hộp điều khiển bên trong có 02 cục điều khiển màu đen hiệu INVT; 01 mô tơ điện hiệu HYPONIC gắn liền với hộp sắt hiệu Sumitomo; 01 mô tơ điện hiệu Matsushita; 01 mô tơ điện không rõ hiệu, trên thân mô tơ có dãy số 211427;

27 miếng sắt kích thước 04cmx10cm một mặt khuyết sắc cạnh, là tài sản của anh Phạm Văn Đ, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho anh Đ.

- 01 xe mô tô hiệu Vision biển số 60F1-64.999, qua xác minh là xe của chị Thân Thị Mai (vợ của C) giao cho C sử dụng và không biết C sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho chị Mai.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 70/TCKH-HĐĐG ngày 31/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố P đã kết luận: “03 mô tơ điện; 27 lưỡi dao cạo vỏ mía và 01 hộp điều khiển hiện INVT có tổng giá trị định giá là 22.070.000 đồng (*Hai mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*)” và Kết luận định giá tài sản số 392/TCKH- HĐĐG ngày 06/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố P đã kết luận: 05 lưỡi dao cạo vỏ mía có tổng giá trị định giá là 550.000 đồng (*năm trăm năm mươi nghìn đồng*)”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HSST ngày 10/01/2019 của TAND thành phố P đã áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 58 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt: bị cáo Dương Văn C 07 tháng tù, Nguyễn Như L 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi thi hành.

Ngày 18/01/2019, các bị cáo Dương Văn C, Nguyễn Như L kháng cáo xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngày 23/01/2019, người bị hại anh Phạm Văn Đ kháng cáo xin cho các bị cáo hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm cho rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì muốn có thêm khách hàng và làm cho đối thủ cạnh tranh trong kinh doanh không có phương tiện để sản xuất mà các bị cáo đã cùng nhau thực hiện việc trộm cắp tài sản của người khác. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án 07 tháng tù đối với bị cáo C, 06 tháng tù đối với bị cáo L là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã thiếu sót khi không áp dụng tình tiết “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Do đó đề nghị HĐXX xem xét áp dụng thêm tình tiết này đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Dương Văn C làm nghề kinh doanh cạo vỏ mía tại phường L1, thành phố P. Do mâu thuẫn trong việc cạnh tranh buôn bán với anh Phạm Văn Đ, ngụ tại tổ 15, khu phố 4, phường L1, thành phố P, nên C nảy sinh ý định trộm cắp linh kiện máy cạo vỏ mía của anh Đ để anh Đ không có dụng cụ cạo vỏ mía giao cho khách hàng. Để thực hiện ý định của mình, C đã rủ Nguyễn Như L (người làm thuê) đi trộm cắp và được L đồng ý. Khoảng 0 giờ ngày 23/3/2018, C điều khiển xe mô tô hiệu Vision biển số 60F1-64.999 chở L đến cửa hàng của anh Đ rồi đứng bên ngoài chờ, còn L vào cửa hàng dùng kéo, mỏ lết và tuốc nơ vít tháo trộm 01 hộp điều khiển, 03 mô tơ và 32 lưỡi dao của máy cạo vỏ mía của anh Đ đem đến phường L2 cất giấu. Theo Kết luận định giá tài sản số 70/TCKH-HĐĐG ngày 31/3/2018 và 392/TCKH- HĐĐG ngày 06/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố P xác định tổng giá trị tài sản do các bị cáo trộm cắp là 22.620.000 đồng (22.070.000 đồng + 550.000 đồng).

Với hành vi phạm tội nêu trên, tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Dương Văn C 07 tháng tù và Nguyễn Như L 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo và người bị hại, HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, chỉ vì mâu thuẫn nhất thời trong hoạt động kinh doanh mà các bị cáo đã thiếu suy nghĩ thực hiện hành vi phạm tội, mục đích cũng chỉ nhằm làm cho anh Đ không có dụng cụ để cạo vỏ mía giao cho khách; Các bị cáo đều có nhân thân tốt; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản trộm cắp cũng đã được trả lại cho người bị hại và còn bồi thường thêm cho người bị hại, được vợ chồng anh Đ, chị L xin miễn trách nhiệm hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Đ tiếp tục kháng cáo xin cho các bị cáo được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L cũng đề nghị xem xét kháng cáo của các bị cáo. Xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (Cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết này là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm); không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ (04 tình tiết); Bị cáo L có vợ là chị Nguyễn Thị L vừa mới sinh con (05/5/2019); Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương theo dõi, quản lý, giáo dục là cũng đủ nghiêm, thể hiện được chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải, phù hợp với quy định của pháp luật về điều kiện cho hưởng

án treo được quy định tại Điều 65 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

[3] Quan điểm của đại diện VKS tại phiên tòa về việc đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 cho các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Văn C, Nguyễn Như L và người bị hại anh Phạm Văn Đ, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015; Điều 58; Điều 65 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt:

- Bị cáo **Dương Văn C 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách của bị cáo C là 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo **Nguyễn Như L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách của bị cáo L là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Dương Văn C và Nguyễn Như L cho UBND phường L1, thành phố P, tỉnh Đồng Nai nơi các bị cáo cư trú để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí HSPT.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND thành phố P (2);
- VKSND thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Phòng PV27 CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Hồng Hương